

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/KDTM-PT

Ngày: 26-01-2026

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Phùng Thị Như Mai

Thư ký phiên toà: Bà Lâm Hỷ Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và ngày 26-01-2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2025/TLPT-KDTM ngày 10-12-2025 về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29-9-2025 của Toà án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7733/2025/QĐ-PT ngày 25-12-2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C

Địa chỉ: A C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng T – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: B.3.5 C/C Conic Garden B, Ấp E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Bảo N, sinh năm 1977 (có mặt); Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1979 (vắng mặt). Cùng địa chỉ: 8 Đường A KĐC số D, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 17-12-2024).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ.

Địa chỉ: B C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Mạnh H – Chức vụ: Giám đốc.
Địa chỉ thường trú: 3 Đ, phường N, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: 20 C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1984 (có mặt), địa chỉ: 9 Q, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Lê Quốc T1, sinh năm 1976 (có mặt), địa chỉ: 4 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 08-01-2026).

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH C trình bày:

Ngày 28-12-2016, Công ty TNHH C và Công ty Cổ phần Đ ký Hợp đồng giao khoán công nhân + máy số 2812/2016/HĐGC-NC+M (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) đối với dự án: Xây dựng cầu kết nối giữa cầu N với đường V; Tên gói thầu: Xây dựng cầu N, N2 và phần tuyến từ Km8+600 đến Km9+200; Địa điểm xây dựng: Quận E, Quận H - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20-12-2019, các bên đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và đưa vào sử dụng. Tháng 10-2021, các bên ký Biên bản kết thúc bảo hành công trình. Tại Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng số 04/BBĐCCNKH ngày 04-11-2020 thể hiện Công ty Cổ phần Đ còn nợ Công ty TNHH C số tiền là 1.529.995.600 đồng.

Sau đó, Công ty Cổ phần Đ đã thanh toán cho Công ty TNHH C nợ gốc lần lượt như sau:

- Ngày 28-12-2024 thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng.
- Ngày 25-01-2025 thanh toán số tiền là 150.000.000 đồng.
- Ngày 12-7-2025 thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng.
- Ngày 12-8-2025 thanh toán số tiền là 500.000.000 đồng.
- Ngày 29-8-2025 thanh toán số tiền là 100.000.000 đồng
- Ngày 25-9-2025 thanh toán số tiền là 579.995.600 đồng.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2025, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tổng cộng là 591.125.209 đồng. Cụ thể:

+ Tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả từ ngày 15-11-2021 đến ngày 28-12-2024 trên số nợ gốc 1.529.995.600 đồng là 1.529.995.600 đồng x 10.5%/365 ngày x 1.138 ngày = 500.874.450 đồng.

+ Tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả từ ngày 29-12-2024 đến ngày 25-01-2025 trên số nợ gốc 1.429.995.600 đồng là $1.429.995.600 \text{ đồng} \times 10.5\%/365 \text{ ngày} \times 27 \text{ ngày} = 11.106.952 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả từ ngày 26-01-2025 đến ngày 12-7-2025 trên số nợ gốc 1.279.995.600 đồng là $1.279.995.600 \text{ đồng} \times 10.5\%/365 \text{ ngày} \times 167 \text{ ngày} = 61.492.391 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả từ ngày 13-7-2025 đến ngày 12-8-2025 trên số nợ gốc 1.179.995.600 đồng là $1.179.995.600 \text{ đồng} \times 10.5\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 10.183.524 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả từ ngày 13-8-2025 đến ngày 29-8-2025 trên số nợ gốc 679.995.600 đồng là $679.995.600 \text{ đồng} \times 10.5\%/365 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày} = 3.129.843 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả từ ngày 30-8-2025 đến ngày 25-9-2025 trên số nợ gốc 579.995.600 đồng là $579.995.600 \text{ đồng} \times 10.5\%/365 \text{ ngày} \times 26 \text{ ngày} = 4.338.049 \text{ đồng}$.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đ trình bày:

Công ty TNHH C và Công ty Cổ phần Đ có ký kết Hợp đồng giao khoán công nhân + máy, Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và đưa vào sử dụng, Biên bản kết thúc bảo hành công trình và Biên bản đối chiếu công nợ khách hàng như lời trình bày của nguyên đơn.

Bị đơn thống nhất quá trình thanh toán đối với số tiền nợ gốc là 1.529.995.600 đồng. Đến ngày 25-9-2025, bị đơn đã hoàn tất thanh toán công nợ gốc. Đối với tiền lãi chậm trả, do tình hình công ty hiện rất khó khăn nên bị đơn đề nghị nguyên đơn tạo điều kiện miễn tiền lãi chậm trả. Trường hợp tính lãi chậm trả đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính từ ngày chủ đầu tư là Trung tâm Q thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ theo ủy nhiệm chi ngày 19-01-2023.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C

[1.1] Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty TNHH C số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 25-9-2025 là 591.125.209 (năm trăm chín mươi một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ chín) đồng.

[1.2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, Công ty Cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-10-2025, Bị đơn Công ty Cổ phần Đ có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án số 137/2025/KDTM-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực D, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không tính lãi chậm trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 25-9-2025 là 591.125.209 đồng. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng để tính thời điểm Bị đơn chịu lãi chậm thanh toán cho Nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH C khởi kiện Bị đơn Công ty Cổ phần Đ yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi chậm trả theo hợp đồng thi công. Đây là tranh chấp về hợp đồng xây dựng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 29-9-2025, Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm; ngày 10-10-2025, Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn kháng cáo của Bị đơn. Xét thấy, đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09-01-2025 của Nguyên đơn gửi Tòa án nhân dân quận H (nay là Tòa án nhân dân Khu vực D), Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán nợ gốc 1.529.995.600 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29-12-2024 là 716.163.694 đồng. Quá trình Tòa án giải quyết, tính đến ngày 25-9-2025, Bị đơn đã thanh toán hết nợ gốc cho Nguyên đơn. Ngày 29-9-2025, Nguyên đơn có văn bản xác định nợ gốc còn 0 đồng và Nguyên đơn yêu cầu buộc Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 29-9-2025 là 591.125.209 đồng.

[4] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định: Ngày 28-12-2016, Nguyên đơn và Bị đơn ký Hợp đồng giao khoán công nhân + máy số 2812/2016/HĐGC-NC+M (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) đối với dự án: Xây dựng cầu kết nối giữa cầu N với đường V; tên gói thầu: xây dựng cầu N, N2 và phân tuyến từ Km8+600 đến Km9+200; địa điểm xây dựng: Quận E, Quận H - Thành phố Hồ Chí Minh; hợp đồng được các bên ký kết phù hợp với quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng ngày 20-12-2019, Hồ sơ quyết toán ngày 04-11-2020, Biên bản thanh lý hợp đồng năm 2020 và Điều 2, Điều 6 của Hợp đồng thì thời gian đến hạn thanh toán của số tiền nợ theo khối lượng hợp đồng là năm 2020 (ngày 31-12-2020), ngày bắt đầu tính lãi suất chậm trả là ngày 01-01-2021. Căn cứ vào Biên bản kết thúc thời hạn bảo hành công trình tháng 10-2021 (ngày 31-10-2021) và khoản 5 Điều 10 của Hợp đồng thì ngày đến hạn thanh toán tiền bảo hành của bị đơn là ngày 12-11-2021, ngày bắt đầu tính lãi suất chậm trả là ngày 13-11-2021. Tuy nhiên, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả trên tổng số nợ bắt đầu từ ngày 15-11-2021, với số tiền Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn 591.125.209 đồng là thấp hơn tiền lãi chậm trả như cấp sơ thẩm đã phân tích, có lợi cho Bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn đề nghị tính lãi chậm trả từ thời điểm Bị đơn nhận được tiền thanh toán của chủ đầu tư. Xét thấy ý kiến của Bị đơn không được Nguyên đơn chấp nhận, đồng thời không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của Hợp đồng. Công trình thi công đã được các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, các bên cũng đã ký biên bản kết thúc bảo hành công trình, biên bản đối chiếu công nợ tuy nhiên Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc đúng hạn. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn buộc Bị đơn phải trả lãi là đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 137/2025/KDTM-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C.

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty TNHH C số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 25-9-2025 là 591.125.209 (năm trăm chín mươi một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm lẻ chín) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH C cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, Công ty Cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí sơ thẩm là 27.645.008 (hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm lẻ tám) đồng.

Công ty TNHH C không phải chịu án phí; hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 37.461.593 (ba mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003254 ngày 22-01-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đ phải chịu án phí 2.000.000 (hai triệu) đồng; nhưng được căn trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai

thu tiền tạm ứng án phí số 0027106 ngày 15-10-2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./ .

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Khu vực D - TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực D - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, Hs (T13).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm

